

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG
BÌNH DƯƠNG**

Số: 12 /CBTT-MC17

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 15 tháng 08 năm 2017



**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GD&ĐT HÀ NỘI**

Kính gửi:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên Tổ chức phát hành: Công Ty Cổ Phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương

Mã chứng khoán : MVC

Trụ sở chính: 306, Đường ĐT 743, KP.Trung Thắng, Phường Bình Thắng, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: (+84-65) 0375 1518 Fax: (+84-65) 0375 1138

Người thực hiện công bố thông tin : Ông Nguyễn Quốc Bình – Kế toán trưởng

Địa chỉ: 306, Đường ĐT 743, KP.Trung Thắng, Phường Bình Thắng, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: (+84-65) 0375 1518

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

+ Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2017

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 15/08/2017 tại đường link: <http://www.vlxdbd.com.vn/quan-he-co-dong>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

**Người được ủy quyền
công bố thông tin**

Nguyễn Quốc Bình

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
VẬT LIỆU VÀ
XÂY DỰNG
BÌNH
DƯƠNG**

Digitally signed by CÔNG TY
CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ XÂY
DỰNG BÌNH DƯƠNG
DN: C=VN, S=Bình Dương,
L=Thị Xã Dĩ An, CN=CÔNG
TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ
XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG,
OID.0.9.2342.19200300.100.1
.1=MST:3700148529
Reason: I am the author of
this document
Location:
Date: 2017-08-16 16:36:48



Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

**Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2017**



Được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. HCM

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 04
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	07 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11 - 12
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	13 - 57



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương là doanh nghiệp được Cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ). Công ty chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức là Công ty Cổ phần kể từ ngày 11 tháng 04 năm 2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp – Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 3700148529, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 11 tháng 04 năm 2016 với vốn điều lệ của Công ty là 1.000.000.000.000 đồng do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Tổng Giám đốc.

Trụ sở chính:

Địa chỉ : Số 306, Đường ĐT 743, KP Trung Thắng, Phường Bình Thắng, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.
Số điện thoại : 0274.3 751 518 – 3 751 516
Số Fax : 0274.3 751 138
Mã số thuế : 3700148529

Các đơn vị trực thuộc:

1. Xí nghiệp kinh doanh cầu đường 743

Địa chỉ: ĐT 743, Xã Tân Đông Hiệp, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

2. Xí nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng

Địa chỉ: ĐT 743, Phường Bình Thắng, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

3. Nhà máy Gạch ngói Bến Cát

Địa chỉ: Thị trấn Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

4. Chi nhánh TP Mới Bình Dương

Địa chỉ: Lô B – Ô số 30 Phố TM, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

5. Chi nhánh Bình Phước

Địa chỉ: Ấp 1, Xã Tân Lập, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: số 306, Đường ĐT 743, Bình Thắng, Dĩ An, Bình Dương

Hoạt động chính của Công ty là:

- Quảng cáo;
- Trồng cây cao su;
- Sản xuất gạch ngói, đá ốp lát;
- Mua bán thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên liệu, phụ tùng, phương tiện chuyên dùng ngành công nghiệp;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Khai thác quặng phi kim loại (đá, cát, đất);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Kinh doanh bất động sản. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng. Quản lý, khai thác và kinh doanh chợ;
- Sản xuất vật liệu xây dựng không nung;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh xăng, dầu;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Tư vấn giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông và công trình điện;
- Tư vấn quản lý dự án, tư vấn lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, tư vấn thẩm tra thiết kế kỹ thuật tổng dự toán công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, công trình giao thông và công trình điện;
- Xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng cầu đường;
- Gia công sửa chữa cơ điện;
- Dập thép hình, gia công các khung nhà, kho tàng;
- Đầu tư tài chính;
- Xây dựng, chuyển giao công nghệ lò nung tuynel;

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017 đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: số 306, Đường ĐT 743, Bình Thắng, Dĩ An, Bình Dương

Hội đồng quản trị Công ty

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>
- Ông Đoàn Minh Quang	Việt Nam	Chủ tịch	02/04/2016
- Ông Mai Văn Chánh	Việt Nam	Phó chủ tịch	02/04/2016
- Ông Nguyễn Hồng Châu	Việt Nam	Thành viên	02/04/2016
- Ông Lê Trọng Hiếu	Việt Nam	Thành viên	02/04/2016
- Ông Phạm Tuấn Kiệt	Việt Nam	Thành viên	02/04/2016

Ban Tổng Giám đốc

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>
- Ông Mai Văn Chánh	Việt Nam	Tổng Giám Đốc	02/04/2016
- Ông Phạm Tuấn Kiệt	Việt Nam	Phó Tổng Giám Đốc	01/07/2016

Ban Kiểm soát

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>
- Bà Phạm Thị Băng Trang	Việt Nam	Trưởng Ban	02/04/2016
- Ông Hồ Huyền Trang	Việt Nam	Thành viên	02/04/2016
- Ông Nguyễn Quốc Long	Việt Nam	Thành viên	02/04/2016

Kế toán trưởng

<u>Họ và tên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>
- Ông Nguyễn Quốc Bình	Việt Nam	Kế toán trưởng	02/04/2016

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) được chỉ định làm công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán có liên quan được áp dụng và đã được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: số 306, Đường ĐT 743, Bình Thắng, Dĩ An, Bình Dương

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Bình Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC



MAI VĂN CHÁNH

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017.

Bình Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2017

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



ĐOÀN MINH QUANG

Số: 493/BCKT/TC/2017/AASCS

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 08 năm 2017, từ trang 07 đến trang 57, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế

độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2017

**Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS
Phó Tổng Giám đốc**



Lưu Vinh Khoa

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0166-2013-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
1	2	3	4	5
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		695.163.677.232	919.783.292.941
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6.1	20.725.421.561	17.301.476.226
1. Tiền	111		20.725.421.561	17.301.476.226
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		218.306.138.915	461.177.971.960
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.2.1	3.709.700	3.709.700
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.2.2	218.302.429.215	461.174.262.260
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		374.651.067.902	349.312.375.889
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.3	32.210.570.627	30.183.636.881
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6.4	90.095.979.812	49.887.964.337
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6.5	200.000.000.000	200.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	6.6.1	52.344.517.463	69.240.774.671
IV. Hàng tồn kho	140		80.669.877.336	91.414.095.507
1. Hàng tồn kho	141	6.7	80.669.877.336	91.414.095.507
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		811.171.518	577.373.359
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		811.171.518	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	577.373.359
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		782.104.533.699	755.127.723.423
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		621.377.517	542.118.221
1. Phải thu dài hạn khác	216	6.6.2	621.377.517	542.118.221
II. Tài sản cố định	220		180.092.154.444	187.387.896.963
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.9	171.564.631.240	178.769.656.189
- Nguyên giá	222		420.786.345.681	418.936.976.977
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(249.221.714.441)	(240.167.320.788)
2. Tài sản cố định vô hình	227	6.10	8.527.523.204	8.618.240.774
- Nguyên giá	228		9.050.564.238	9.050.564.238
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(523.041.034)	(432.323.464)
III. Bất động sản đầu tư	230	6.11	6.171.977.383	6.360.140.377
- Nguyên giá	231		9.214.409.661	9.036.788.626
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.042.432.278)	(2.676.648.249)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		68.546.831.355	44.056.463.269
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6.12	68.546.831.355	44.056.463.269
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		437.221.808.218	443.876.984.218
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6.2.3	425.848.469.700	425.848.469.700
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.2.3	28.514.518	28.514.518
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.655.176.000)	-
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6.2.2	15.000.000.000	18.000.000.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
1	2	3	4	5
VI. Tài sản dài hạn khác	260		89.450.384.782	72.904.120.375
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6.13	88.804.971.600	72.257.639.170
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		645.413.182	646.481.205
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.477.268.210.931	1.674.911.016.364



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

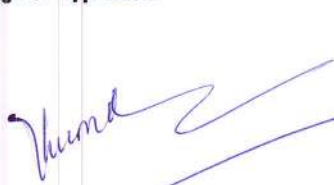
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		351.345.584.250	608.736.751.622
I. Nợ ngắn hạn	310		350.352.642.733	608.274.750.622
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	6.14	25.681.600.172	22.911.792.370
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	6.15	25.338.403.857	15.394.175.354
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	6.16	13.709.687.161	7.840.475.066
4. Phải trả người lao động	314		6.117.721.921	17.636.451.921
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	6.17	4.241.619.428	3.481.654.716
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	6.18	105.279.294.017	157.506.273.250
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	6.19	157.820.644.882	366.371.845.434
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.163.671.295	17.132.082.511
II. Nợ dài hạn	330		992.941.517	462.001.000
1. Phải trả dài hạn khác	337		371.564.000	462.001.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		621.377.517	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	6.20	1.125.922.626.681	1.066.174.264.742
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.125.922.626.681	1.066.174.264.742
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.271.897.224	7.271.897.224
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		118.650.729.457	58.902.367.518
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		58.902.367.518	-
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		59.748.361.939	58.902.367.518
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.477.268.210.931	1.674.911.016.364

Bình Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phan Thị Thuyền Hương

Nguyễn Quốc Bình

Mai Văn Chánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

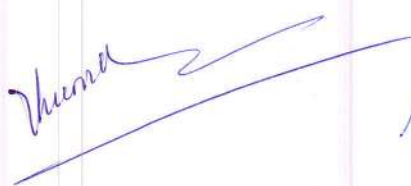
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 11/04/2016 đến 30/06/2016 (Xem TM số 9.10)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	7.1	332.981.486.177	114.570.580.217
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	7.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	7.1	332.981.486.177	114.570.580.217
4. Giá vốn hàng bán	11	7.2	272.792.118.481	86.053.501.790
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		60.189.367.696	28.517.078.427
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.3	40.860.683.837	16.390.975.007
7. Chi phí tài chính	22	7.4	13.326.245.003	3.231.517.839
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>9.671.069.003</i>	<i>3.231.517.839</i>
8. Chi phí bán hàng	25	7.5	3.299.305.877	1.062.111.778
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7.6	14.913.317.965	4.087.356.379
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		69.511.182.688	36.527.067.438
11. Thu nhập khác	31	7.7	826.128.724	77.109.880
12. Chi phí khác	32	7.8	718.908.865	3.110.326
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		107.219.859	73.999.554
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		69.618.402.547	36.601.066.992
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	7.9	9.868.972.585	5.779.725.142
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		1.068.023	-
17. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		59.748.361.939	30.821.341.850
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	7.10	556	287
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	7.11	556	287

Bình Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Phan Thị Thuýên Hương

Nguyễn Quốc Bình

Mai Văn Chánh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 11/04/2016 đến 30/06/2016
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		69.618.402.547	36.601.066.992
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		13.316.233.669	5.112.242.840
- Các khoản dự phòng	03		4.276.553.517	-
- (Lãi)/ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.295.712)	-
- (Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(40.252.609.722)	(16.390.975.007)
- Chi phí Lãi vay	06		9.671.069.003	3.231.517.839
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		56.628.353.302	28.553.852.664
- (Tăng)/ giảm Các khoản phải thu	09		(18.066.838.838)	(23.405.611.805)
- (Tăng)/ giảm Hàng tồn kho	10		10.744.218.171	(4.532.717.446)
- (Tăng)/ giảm Các khoản phải trả (không kể Lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(48.901.547.021)	(93.383.831.562)
- (Tăng)/ giảm Chi phí trả trước	12		(17.358.503.948)	5.736.237.392
- (Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền Lãi vay đã trả	14		(10.078.755.434)	(3.231.517.839)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.019.993.879)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.001.089.591)	(74.000.000)
Lưu chuyển liên thuận từ hoạt động kinh doanh	20		(37.054.157.238)	(90.337.588.646)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(36.930.770.357)	(34.538.253.948)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.218.766.961)	(100.000.000.000)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		247.090.600.006	15.000.000.000
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		40.086.944.725	16.390.975.007
Lưu chuyển liên thuận từ hoạt động đầu tư	30		249.028.007.413	(103.147.278.941)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

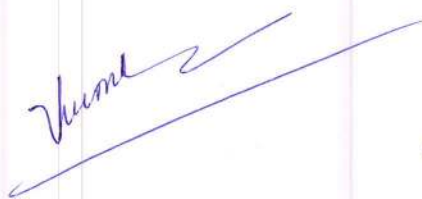
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 11/04/2016 đến 30/06/2016
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
- Tiền thu từ đi vay	33		282.041.171.603	266.830.174.853
- Tiền trả nợ gốc vay	34		(490.592.372.155)	(105.683.943.328)
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(208.551.200.552)	161.146.231.525
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		3.422.649.623	(32.338.636.062)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		17.301.476.226	568.602.451.598
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.295.712	
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	6.1	20.725.421.561	536.263.815.536

Bình Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Phan Thị Thuỳên Hương

Nguyễn Quốc Bình

Mai Văn Chánh

1. Đặc điểm hoạt động của công ty**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương là doanh nghiệp được Cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ). Công ty chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức là Công ty Cổ phần kể từ ngày 11/04/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp – Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 3700148529, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 11 tháng 04 năm 2016 với vốn điều lệ của Công ty là 1.000.000.000.000 đồng do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Quảng cáo;
- Trồng cây cao su;
- Sản xuất gạch ngói, đá ốp lát;
- Mua bán thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên liệu, phụ tùng, phương tiện chuyên dùng ngành công nghiệp;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Khai thác quặng phi kim loại (đá, cát, đất);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Kinh doanh bất động sản. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng. Quản lý, khai thác và kinh doanh chợ;
- Sản xuất vật liệu xây dựng không nung;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh xăng, dầu;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị.
- Tư vấn giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông và công trình điện;
- Tư vấn quản lý dự án, tư vấn lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, tư vấn thẩm tra thiết kế kỹ thuật tổng dự toán công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, công trình giao thông và công trình điện;
- Xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng cầu đường;
- Gia công sửa chữa cơ điện;
- Dập thép hình, gia công các khung nhà, kho tàng;
- Đầu tư tài chính;
- Xây dựng, chuyển giao công nghệ lò nung tuynel;



1.3 Công ty có các đơn vị trực thuộc sau

- Xí nghiệp kinh doanh cầu đường 743

Địa chỉ: ĐT 743, Xã Tân Đông Hiệp, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

- Xí nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng

Địa chỉ: ĐT 743, Phường Bình Thắng, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

- Nhà máy Gạch ngói Bến Cát

Địa chỉ: Thị trấn Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

- Chi nhánh TP Mới Bình Dương

Địa chỉ: Lô B – Ô số 30 Phố TM, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

- Chi nhánh Bình Phước

Địa chỉ: Ấp 1, Xã Tân Lập, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán đầu tiên của Công ty hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần bắt đầu từ 11/04/2016 kết thúc ngày 31/12/2016.

Các niên độ kế toán tiếp theo của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. Chế độ kế toán áp dụng

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư 200/2014/TT/BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ.

4. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

5. Các chính sách kế toán áp dụng

5.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền: Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: Theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Vàng tiền tệ: Theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

5.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Chứng khoán kinh doanh:

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

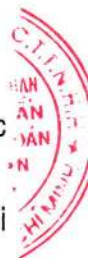
Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết:

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: Khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

5.3 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5.4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

5.5 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD.

Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính theo nhóm tài sản như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

5.6 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác**Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

Nguyên tắc vốn hóa chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Nguyên tắc vốn hóa chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

5.7 Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí đền bù, chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại khu vực mỏ sét đã có giấy phép khai thác được phân bổ trên cơ sở tổng sản lượng được phép khai thác và sản lượng thực tế khai thác. Chi phí đền bù, chuyển nhượng quyền sử dụng đất chưa có giấy phép khai thác thì chưa phân bổ chi phí này.

5.8 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả**Nguyên tắc ghi nhận:**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: Các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: Các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: Các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5.9 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả, dự phòng phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản dự phòng phải trả được trích lập hay hoàn nhập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản dự phòng phải trả khi trích lập ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Riêng đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng; khoản dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí SX chung và hoàn nhập vào thu nhập khác.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

5.10 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo vốn thực tế chủ sở hữu để lại doanh nghiệp sử dụng sau khi đã đầu tư đủ vốn điều lệ đã đăng ký; giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5.11 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty liên doanh, liên kết và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

5.12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***5.13 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chưa chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

5.14 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

5.15 Công cụ tài chính**Tài sản tài chính:**

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;

- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;

- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu:

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

6.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
- Tiền mặt	7.848.079.328	3.962.097.535
+ Tiền mặt (VND)	7.848.079.328	3.962.097.535
<i>Tiền mặt tại VP Công ty</i>	<i>3.964.827.886</i>	<i>947.248.290</i>
<i>Tiền mặt tại Xí nghiệp kinh doanh cầu đường</i>	<i>388.173.153</i>	<i>306.439.697</i>
<i>Tiền mặt tại Nhà máy gạch ngói Bến Cát</i>	<i>429.065.700</i>	<i>271.336.288</i>
<i>Tiền mặt tại Chi nhánh Bình Dương</i>	<i>2.798.377.745</i>	<i>2.410.036.075</i>
<i>Tiền mặt tại Xí nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng</i>	<i>267.634.844</i>	<i>27.037.185</i>
- Tiền gửi ngân hàng	12.877.342.233	13.339.378.691
+ Tiền gửi (VND)	12.855.077.116	13.318.409.286
+ Tiền gửi ngoại tệ	22.265.117	20.969.405
- USD	9.379.186	9.155.656
- EUR	12.885.931	11.813.749
Cộng	20.725.421.561	17.301.476.226

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Số 306, Đường ĐT 743, Bình Thắng, Dĩ An, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2017

6.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2017		01/01/2017					
	Số CP sở hữu	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số CP sở hữu	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
6.2.1. Chứng khoán kinh doanh								
+ Công ty CP Cao Su Đà Nẵng	11 CP	454.500	-	454.500	11 CP	454.500	-	454.500
+ Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Sông Đà (SDD)	56 CP	550.000	-	550.000	56 CP	550.000	-	550.000
+ Công ty CP Hóa Dầu Petrolimex - CTCP (PLC)	87 CP	1.473.500	-	1.473.500	87 CP	1.473.500	-	1.473.500
+ Công ty CP Ô tô Giải Phóng (GGG)	90 CP	1.231.700	-	1.231.700	90 CP	1.231.700	-	1.231.700
Cộng		3.709.700	-	3.709.700		3.709.700	-	3.709.700



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Số 306, Đường ĐT 743, Bình Thắng, Dĩ An, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2017

6.2.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a. Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo tại các ngân hàng				
+ Ngân hàng BIDV - CN Nam Bình Dương	189.211.132.422	189.211.132.422	372.141.680.209	372.141.680.209
+ Ngân hàng BIDV - CN Bình Dương	10.000.000.000	10.000.000.000	53.470.000.000	53.470.000.000
+ Ngân hàng Vietcombank - CN Bình Dương	1.136.440.080	1.136.440.080	1.071.102.809	1.071.102.809
+ Ngân hàng BIDV - CN Sông Bé	3.992.867.931	3.992.867.931	6.277.971.333	6.277.971.333
+ Ngân hàng Lienvietbank - CN Bình Dương	13.961.988.782	13.961.988.782	13.106.981.736	13.106.981.736
+ Ngân hàng BIDV - CN Mỹ Phước	-	-	15.106.526.173	15.106.526.173
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
Cộng	218.302.429.215	218.302.429.215	461.174.262.260	461.174.262.260
b. Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo tại các ngân hàng				
+ Ngân hàng BIDV - CN Nam Bình Dương	15.000.000.000	15.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
Cộng	15.000.000.000	15.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000

Toàn bộ các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng BIDV - CN Nam Bình Dương được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng này.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG
Số 306, Đường ĐT 743, Bình Thắng, Dĩ An, Bình Dương
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2017

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6.2.3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2017		01/01/2017		
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	425.848.469.700	(3.655.176.000)	653.391.338.000	-	601.110.903.900
Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao Cấp (i)	17.442.000.000	-	20.400.163.200	-	23.700.189.600
Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ (ii)	290.261.614.500	-	518.501.495.600	-	452.138.265.900
Công ty Cổ phần Gạch Ngói Nhị Hiệp (iii)	28.144.855.200	(3.655.176.000)	24.489.679.200	-	35.272.448.400
Công ty TNHH Sản xuất Vật liệu Xây dựng Hưng Thịnh (iv) (v)	90.000.000.000	-	90.000.000.000	-	90.000.000.000
b. Đầu tư vào các đơn vị khác	28.514.518	-	28.514.518	-	28.514.518
Công ty CP DN Trẻ Bình Dương (v)	28.514.518	-	28.514.518	-	28.514.518
Cộng	425.876.984.218	(3.655.176.000)	653.419.852.518	-	601.139.418.418

Ghi chú:

(i) **Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao Cấp: 50.161.240.000 đồng.**

Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương nắm giữ 1.500.012 cổ phần, chiếm tỷ lệ 29,90%.

(ii) **Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ: 164.402.020.000 đồng.**

Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương nắm giữ 6.202.170 cổ phần, chiếm tỷ lệ 37,73%.

(iii) **Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Gạch Ngói Nhị Hiệp: 30.415.420.000 đồng.**

Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương nắm giữ 913.794 cổ phần, chiếm tỷ lệ 30,04%.



6.2.3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

(iv) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH SX Vật liệu Xây dựng Hưng Thịnh (Công ty Hưng Thịnh) được thực hiện theo Nghị Quyết số 32/NQ-HĐTV ngày 18/01/2016 của Hội đồng thành viên. Theo Nghị Quyết trên và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH SX Vật liệu Xây dựng Hưng Thịnh (gọi tắt là Công ty SX VLXD Hưng Thịnh) mã số doanh nghiệp 3702436829, đăng ký lần đầu ngày 02/02/2016 do Phòng ĐKKD - Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Bình Dương cấp. Vốn điều lệ của Công ty SX VLXD Hưng Thịnh là 225 tỷ đồng, Công ty cam kết góp 40% vốn điều lệ với số tiền tương ứng là 90 tỷ đồng. Công ty đã thực hiện góp đủ số vốn đã cam kết.

Tại thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính giữa niên độ tại ngày 30/06/2017 của Công ty Hưng Thịnh. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty Hưng Thịnh đang giai đoạn đền bù, chuẩn bị sản xuất. Tại thời điểm 30/06/2017, Công ty Hưng Thịnh không bị lỗ nên Công ty không xem xét việc trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư tài chính.

(v) Cổ phiếu của các Công ty này chưa đăng ký giao dịch trên sàn chứng khoán, Công ty không có bất kỳ thông tin nào về giá trị thị trường của cổ phiếu các Công ty này. Do vậy, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được trình bày theo giá gốc khoản đầu tư.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các Công ty đã niêm yết được xác định theo giá trị thị trường tại thời điểm báo cáo.

Lưu ý: Theo Báo cáo tài chính năm 2016 kết thúc vào ngày 31/12/2016, Công ty trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư theo giá trị gốc khoản đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ*(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***6.3 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

Khoản mục phải thu khách hàng của Công ty chủ yếu do các Xi nghiệp trực tiếp quản lý và thu nợ.

	30/06/2017	01/01/2017
- Xi nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng (i)	5.756.908.500	5.440.441.819
- Nhà máy Gạch ngói Bến Cát (ii)	3.677.203.835	3.715.769.147
- Chi nhánh TP Mới Bình Dương (ii)	12.027.736.619	5.971.145.026
- Đối tượng khác (ii)	10.748.721.673	15.056.280.889
Cộng	32.210.570.627	30.183.636.881

(i) Chủ yếu là khoản còn phải thu 10% của các hợp đồng bán nền đất của các dự án khu dân cư Bình An, khu Thương mại Tân Phước Khánh, phải thu các hợp đồng xây lắp. Hầu hết, các khoản phải thu này chưa được khách hàng xác nhận.

(ii) Chủ yếu là khoản phải thu khách hàng mua vật liệu xây dựng và dầu DO.

Trong đó, Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan: Xem thuyết minh số 9.3.2 Giao dịch với bên có liên quan.

6.4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
- Cơ sở cơ khí Dương Hải (i)	36.770.000.000	30.770.000.000
- Ông Nguyễn Văn Hiệu (ii)	10.850.000.000	10.850.000.000
- Ông Đoàn Quang Nam (iii)	7.263.000.000	7.263.000.000
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương (iv)	26.906.000.000	-
- Đối tượng khác	8.306.979.812	1.004.964.337
Cộng	90.095.979.812	49.887.964.337

(i) Số dư 36.770.000.000 đồng (Ba mươi sáu tỷ bảy trăm bảy mươi triệu đồng) tại thời điểm 30/06/2017 là khoản trả trước theo Hợp đồng xây dựng và chuyển giao công nghệ số 270516/HDKTDH-MC ngày 27/05/2016. Doanh nghiệp tư nhân Dương Hải thiết kế, tính toán, cung cấp vật tư thiết bị, xây dựng, đào tạo và chuyển giao công nghệ cho Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương 01 dây chuyền sản xuất gạch Tuynel 100 triệu viên/năm tại Nhà máy Gạch Long Nguyên.

(ii) Trả trước tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Xã Long Nguyên, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

(iii) Trả trước tiền mua xe ô tô.

(iv) Trả trước phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ*(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***6.5 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Công ty TNHH Sản xuất Vật liệu Xây dựng Hưng Thịnh	200.000.000.000	200.000.000.000
Cộng	<u><u>200.000.000.000</u></u>	<u><u>200.000.000.000</u></u>

Căn cứ nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/NQ-HĐQT ban hành ngày 06 tháng 06 năm 2016 của Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương về việc cho Công ty TNHH Sản xuất Vật liệu Xây dựng Hưng Thịnh vay ngắn hạn với số tiền là 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng) để đầu tư khai thác và chế biến đá tại các mỏ đá ở Huyện Bắc Tân Uyên và Huyện Phú Giáo. Lãi suất cho vay bằng lãi suất vay thấu chi của Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Bình Dương.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG
Số 306, Đường ĐT 743, Bình Thắng, Dĩ An, Bình Dương
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2017

6.6 PHẢI THU KHÁC

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
6.6.1. NGẮN HẠN				
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	10.513.215.898	-	16.277.347.373	-
Lãi dự thu tiền cho vay	11.220.555.555	-	4.684.444.444	-
Tạm ứng (i)	30.119.494.474	-	11.588.901.682	-
Phải thu khác	491.251.536	-	36.690.081.172	-
Cộng	52.344.517.463	-	69.240.774.671	-

6.6.2. DÀI HẠN

Tiền ký quỹ phục hồi môi trường Cát Dầu Tiếng	50.296.876	-	50.296.876	-
Tiền ký quỹ phục hồi môi trường mỏ sét Long Nguyễn	571.080.641	-	491.821.345	-
Cộng	621.377.517	-	542.118.221	-

(i) Chủ yếu là tạm ứng để đặt cọc đến bù hoa màu và chuyển nhượng quyền sử dụng đất phục vụ cho các dự án của Công ty.

6.7 HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.804.289.493	-	7.580.768.792	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	70.444.783.468	-	68.857.233.488	-
Thành phẩm	1.047.398.218	-	2.558.393.751	-
Hàng hoá	3.373.406.157	-	12.417.699.476	-
Cộng	80.669.877.336	-	91.414.095.507	-



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG
Số 306, Đường ĐT 743, Bình Thới, Dĩ An, Bình Dương
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2017

6.7 HÀNG TỒN KHO (Tiếp theo)

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2017 và 31/12/2016;
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ vay tại thời điểm 30/06/2017 và 31/12/2016.

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang gồm:

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
- Các công trình nhận thầu xây dựng	8.202.735.125	7.027.473.430
- Chi phí SXKD DD của các dự án bất động sản gồm	45.952.366.970	44.216.095.042
+ Dự án KDC Hóa An	26.513.949.324	26.513.949.324
+ Dự án Tân Phước Khánh	16.752.384.174	15.016.112.246
+ Dự án KDC Bình An	2.686.033.472	2.686.033.472
- Chi phí sản xuất Nhà máy Gạch ngói Bến Cát	15.989.373.792	17.199.033.778
- Chi phí sản xuất Nhà máy Gạch ngói Long Nguyên	300.307.581	414.631.238
Cộng	<u><u>70.444.783.468</u></u>	<u><u>68.857.233.488</u></u>



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Số 306, Đường ĐT 743, Bình Thới, Dĩ An, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ*(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2017

6.9 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Chỉ tiêu		Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý		TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ							
Số dư 01/01/2017	355.527.974.729	49.828.911.975	12.669.254.546	910.835.727	-	-	-	418.936.976.977	
Số tăng trong kỳ	6.374.616.751	-	130.000.000	-	-	-	-	6.504.616.751	
- Mua trong kỳ	-	-	130.000.000	-	-	-	-	130.000.000	
- Đầu tư XDCB hoàn thành	6.038.373.872	-	-	-	-	-	-	6.038.373.872	
- Tặng khác	336.242.879	-	-	-	-	-	-	336.242.879	
Số giảm trong kỳ	480.340.015	4.174.908.032	-	-	-	-	-	4.655.248.047	
- Giảm khác	480.340.015	4.174.908.032	-	-	-	-	-	4.655.248.047	
Số dư 30/06/2017	361.422.251.465	45.654.003.943	12.799.254.546	910.835.727	-	-	-	420.786.345.681	
Giá trị hao mòn lũy kế									
Số dư 01/01/2017	(218.369.893.511)	(17.397.345.635)	(3.722.867.971)	(677.213.671)	-	-	-	(240.167.320.788)	
Số tăng trong kỳ	(9.941.296.411)	(1.817.824.008)	(1.058.811.687)	(41.799.964)	-	-	-	(12.859.732.070)	
- Khấu hao trong kỳ	(9.941.296.411)	(1.817.824.008)	(1.058.811.687)	(41.799.964)	-	-	-	(12.859.732.070)	
Số giảm trong kỳ	(3.805.338.417)	-	-	-	-	-	-	(3.805.338.417)	
- Giảm khác	(3.805.338.417)	-	-	-	-	-	-	(3.805.338.417)	
Số dư 30/06/2017	(224.505.851.505)	(19.215.169.643)	(4.781.679.658)	(719.013.635)	-	-	-	(249.221.714.441)	
Giá trị còn lại									
Tại ngày 01/01/2017	137.158.081.218	32.431.566.340	8.946.386.575	233.622.056	-	-	-	178.769.656.189	
Tại ngày 30/06/2017	136.916.399.960	26.438.834.300	8.017.574.888	191.822.092	-	-	-	171.564.631.240	



6.9 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

Ghi chú:

- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng (Đường ĐT 743-I)
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình chờ thanh lý
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai

(1) Không có cam kết nào về việc bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai. Công ty đang đầu tư xây dựng sản xuất gạch ngói có công suất 100 triệu viên/ năm tại Nhà máy Gạch ngói Long Nguyễn (một đơn vị trực thuộc Nhà máy Gạch ngói Bến Cát).

	30/06/2017	01/01/2017
	Không có	Không có
	18.731.447.878	18.731.447.878
	Không có	Không có
	(1)	(1)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ*(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***6 .10 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số dư 01/01/2017	9.000.564.238	50.000.000	9.050.564.238
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư 30/06/2017	9.000.564.238	50.000.000	9.050.564.238
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư 01/01/2017	(391.814.207)	(40.509.257)	(432.323.464)
Số tăng trong kỳ	(88.634.236)	(2.083.334)	(90.717.570)
- Khấu hao trong kỳ	(88.634.236)	(2.083.334)	(90.717.570)
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư 30/06/2017	(480.448.443)	(42.592.591)	(523.041.034)
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2017	8.608.750.031	9.490.743	8.618.240.774
Tại ngày 30/06/2017	8.520.115.795	7.407.409	8.527.523.204

(*) Bao gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất tại Thị trấn Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, diện tích 30.160,7 m² với thời hạn sử dụng đến 23/03/2058 có nguyên giá là 7.650.564.238 đồng.
- Giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại Lô B - Ô số 30, Phố thương mại, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, diện tích 90m² có nguyên giá là 1.350.000.000 đồng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6.11 TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Chỉ tiêu	01/01/2017	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2017
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	9.036.788.626	177.621.035	-	9.214.409.661
- Quyền sử dụng đất (i)	1.789.530.300	-	-	1.789.530.300
- Nhà cửa và vật kiến trúc	7.247.258.326	177.621.035	-	7.424.879.361
Giá trị hao mòn lũy kế	(2.676.648.249)	(365.784.029)	-	(3.042.432.278)
- Quyền sử dụng đất (i)	(39.456.567)	(20.472.134)	-	(59.928.701)
- Nhà cửa và vật kiến trúc	(2.637.191.682)	(345.311.895)	-	(2.982.503.577)
Giá trị còn lại	6.360.140.377	(188.162.994)	-	6.171.977.383
- Quyền sử dụng đất	1.750.073.733	(20.472.134)	-	1.729.601.599
- Nhà cửa và vật kiến trúc	4.610.066.644	(167.690.860)	-	4.442.375.784

- (i) - Giá trị quyền sử dụng đất tại Xã Long Nguyên, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, diện tích 3.209 m2 với thời hạn sử dụng đến 14/06/2060.
- Giá trị quyền sử dụng đất tại Thị trấn Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, diện tích 1.535,7 m2 với thời hạn sử dụng đến 31/08/2055.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6 .12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
- Công trình Nhà máy Gạch ngói Bến Cát	-	2.931.232.963
- Công trình sửa chữa văn phòng Xí nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng	-	321.176.159
- Công trình Nhà máy Gạch ngói Long Nguyên 2 - Giai đoạn 1	38.101.831.355	9.793.624.000
+ Chi phí xây dựng nhà xưởng Nhà máy Gạch ngói Long Nguyên 2	13.159.939.016	-
+ Chi phí san lấp công trình Nhà máy Gạch ngói Long Nguyên 2	1.404.839.390	-
+ Chi phí quản lý XN phân bổ công trình Nhà máy Gạch ngói Long Nguyên 2	1.377.131.504	-
+ Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để xây dựng Nhà máy Gạch ngói Long Nguyên 2	22.159.921.445	9.793.624.000
- Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để xây dựng các khu dân cư	30.445.000.000	30.445.000.000
- Các hạng mục khác	-	565.430.147
Cộng	<u>68.546.831.355</u>	<u>44.056.463.269</u>

6 .13 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
- Chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chi phí đền bù về đất của Nhà máy Gạch ngói Mỹ Phước	301.062.600	316.908.000
- Chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chi phí đền bù về đất của Nhà máy Gạch ngói Long Nguyên	38.676.500.289	32.766.615.427
- Chi phí khai thác đất tầng phủ tại mỏ sét Bến Cát	2.228.242.255	1.759.244.751
- Chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại CN Bình Phước	18.390.720.000	-
- Thảm nhựa mặt đường từ quốc lộ 1K - Cầu Bà Hiệp	-	808.871.111
- Lợi thế kinh doanh phát sinh khi Cổ phần hóa	25.000.855.117	32.143.956.578
- Chi phí trả trước dài hạn khác	4.207.591.339	4.462.043.303
Cộng	<u>88.804.971.600</u>	<u>72.257.639.170</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6.14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Bên liên quan				
Công ty Cổ Phần Đá Núi Nhỏ	22.731.645.219	22.731.645.219	15.330.219.880	15.330.219.880
Công ty Cổ Phần Gạch Ngói Nhị Hiệp	-	-	3.509.591.025	3.509.591.025
Công ty Cổ Phần Gạch Ngói Cao Cấp	-	-	1.173.460.365	1.173.460.365
b. Phải trả người bán khác				
Công ty CP GTXD Bình Dương	188.000.000	188.000.000	188.000.000	188.000.000
Các đối tượng khác	2.761.954.953	2.761.954.953	2.710.521.100	2.710.521.100
Cộng	25.681.600.172	25.681.600.172	22.911.792.370	22.911.792.370

6.15 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Khoản mục người mua trả tiền trước ngắn hạn của công ty chủ yếu do các Xí nghiệp trực tiếp theo dõi. Cụ thể như sau:

	30/06/2017	01/01/2017
Xí nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng	22.462.521.690	13.522.979.690
- Khách hàng mua bất động sản tại Khu thương mại Tân Phước Khánh	16.148.809.543	8.450.051.000
- Ban quản lý dự án TX Bến Cát	6.313.712.147	4.432.035.147
- Các đối tượng khác	-	640.893.543
Khách hàng mua gạch ngói tại Nhà máy Gạch ngói Bến Cát	1.590.791.644	1.155.602.718
Khách hàng mua vật liệu xây dựng tại Chi nhánh TP Mới Bình Dương	472.219.870	275.133.804
Các đối tượng khác	812.870.653	440.459.142
Cộng	25.338.403.857	15.394.175.354

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6 .16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2017
Thuế tài nguyên	54.248.803	720.067.800	470.967.480	303.349.123
Thuế giá trị gia tăng	-	7.974.259.106	7.351.732.787	622.526.319
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.454.963.216	9.868.972.585	5.019.993.879	9.303.941.922
Thuế Thu nhập cá nhân	179.777.539	126.521.000	129.528.950	176.769.589
Phí, Lệ phí & Các Khoản phải nộp khác	3.151.485.508	230.109.280	78.494.580	3.303.100.208
- Phí môi trường	34.516.380	120.012.500	78.494.580	76.034.300
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	3.116.969.128	110.096.780	-	3.227.065.908
Cộng	7.840.475.066	18.919.929.771	13.050.717.676	13.709.687.161

6 .17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
- Chi phí hạ tầng Khu TM Tân Phước Khánh	1.500.000.000	1.500.000.000
- Chi phí hạ tầng KDC Bình An	296.004.944	296.004.944
- Chi phí xây dựng công trình Trạm XD Mỹ Phước	1.085.636.364	
- Trích trước lãi vay	103.349.992	510.805.953
- Khác	1.256.628.128	1.174.843.819
Cộng	4.241.619.428	3.481.654.716

6 .18 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
- Tài sản thừa chờ giải quyết	10.412.384	10.412.384
- BHXH phải nộp	23.371.885	30.127.683
- Kinh phí công đoàn	1.372.190	-
- Khoản giữ lại để đảm bảo nghĩa vụ bảo hành	2.172.526.000	1.782.805.210
- Lợi nhuận sau thuế trước 11/04/2016	100.661.117.019	150.661.117.019
- Các khoản phải trả khác	2.410.494.539	5.021.810.954
Cộng	105.279.294.017	157.506.273.250

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Số 306, Đường ĐT 743, Bình Thắng, Dĩ An, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2017

6.20 VỐN CHỦ SỞ HỮU**6.20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư 11/04/2016	1.000.000.000.000	-	-	-	-	1.000.000.000.000
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	30.821.341.850	30.821.341.850
Số dư 30/06/2016	1.000.000.000.000	-	-	-	30.821.341.850	1.030.821.341.850
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	41.897.630.394	41.897.630.394
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	7.271.897.224	(7.271.897.224)	-
+ Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(6.544.707.502)	(6.544.707.502)
Số dư 01/01/2017	1.000.000.000.000	-	-	7.271.897.224	58.902.367.518	1.066.174.264.742
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	59.748.361.939	59.748.361.939
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
+ Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	-
Số dư 30/06/2017	1.000.000.000.000	-	-	7.271.897.224	118.650.729.457	1.125.922.626.681



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6.20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**6.20.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2017	01/01/2017
Vốn đầu tư của Nhà nước (Công ty TM XNK Thanh Lễ - TNHH MTV)	490.000.000.000	490.000.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	510.000.000.000	510.000.000.000
Cộng	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000

6.20.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 11/04/2016 đến 30/06/2016
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp tại 01/01/2017	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp tại 30/06/2017	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

6.20.4. Cổ phiếu

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 11/04/2016 đến 30/06/2016
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000 cổ phần	100.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra Công chúng	100.000.000 cổ phần	100.000.000 cổ phần
+ Cổ phiếu phổ thông	100.000.000 cổ phần	100.000.000 cổ phần
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000 cổ phần	100.000.000 cổ phần
+ Cổ phiếu phổ thông	100.000.000 cổ phần	100.000.000 cổ phần
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

6.20.5. Cổ tức

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 11/04/2016 đến 30/06/2016
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	5%	Chưa công bố
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	Không phát sinh	Không phát sinh
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	Không phát sinh	Không phát sinh

6 .21 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
6.21.1. Ngoại tệ các loại		
- USD	413,18	413,18
- EUR	497,68	497,68
6.21.2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	Không có	Không có



7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

7.1 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 11/04/2016 đến 30/06/2016
DOANH THU		
- Doanh thu bán thành phẩm	77.460.990.777	19.509.452.080
- Doanh thu bán hàng hóa	208.216.076.448	65.735.916.420
- Doanh thu kinh doanh đường BOT	42.346.031.818	27.580.754.545
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.958.387.134	1.744.457.172
Cộng	332.981.486.177	114.570.580.217

Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan

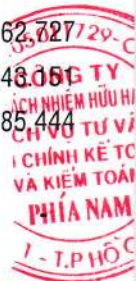
+ Công ty Cổ Phần Gạch Ngói Cao Cấp (Công ty liên kết)	868.087.455	421.162.827.290
+ Công ty Cổ Phần Gạch Ngói Nhị Hiệp (Công ty liên kết)	33.574.053.675	40.869.848.056
+ Công ty Cổ Phần Đá Núi Nhỏ (Công ty liên kết)	536.741.432	2.272.385.444

CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	332.981.486.177	114.570.580.217
--	------------------------	------------------------

7.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 11/04/2016 đến 30/06/2016
- Giá vốn bán thành phẩm	62.998.321.086	14.735.279.606
- Giá vốn bán hàng hóa	192.671.423.317	60.723.497.136
- Giá vốn kinh doanh đường BOT	12.723.878.745	9.099.909.763
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.398.495.333	1.494.815.285
Cộng	272.792.118.481	86.053.501.790



7.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 11/04/2016 đến 30/06/2016
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.290.197.437	15.344.455.007
- Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	20.570.486.400	1.046.520.000
Cộng	40.860.683.837	16.390.975.007

(*) Cổ tức, lợi nhuận được chia:

+ Công ty cổ phần Gạch ngói Nhị Hiệp	913.794.000	-
+ Công ty cổ phần Gạch ngói Cao cấp	1.050.008.400	1.046.520.000
+ Công ty cổ phần Đá Núi Nhỏ	18.606.510.000	-
+ Các Công ty khác	174.000	-

Cộng	20.570.486.400	1.046.520.000
-------------	-----------------------	----------------------

7.4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 11/04/2016 đến 30/06/2016
- Chi phí lãi vay	9.671.069.003	3.231.517.839
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	3.655.176.000	-
Cộng	13.326.245.003	3.231.517.839

7.5 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 11/04/2016 đến 30/06/2016
- Chi phí nhân viên	1.329.612.960	438.383.640
- Chi phí khấu hao TSCĐ	553.750.862	48.724.885
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	951.276.648	336.548.180
- Chi phí bằng tiền khác	464.665.407	238.455.073
Cộng	3.299.305.877	1.062.111.778

7.6 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 11/04/2016 đến 30/06/2016
- Chi phí nhân viên	1.755.329.182	984.686.683
- Chi phí vật liệu quản lý	44.034.086	23.667.711
- Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	33.084.545	56.729.727
- Chi phí khấu hao, sửa chữa TSCĐ	1.086.968.810	88.103.935
- Thuế, phí, lệ phí	19.000.000	8.884.111
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	359.799.636	216.598.610
- Chi phí bằng tiền khác	11.615.101.706	2.708.685.602
Cộng	14.913.317.965	4.087.356.379

7.7 THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 11/04/2016 đến 30/06/2016
- Thu nhập khác từ XN kinh doanh cầu đường 743	792.854.643	70.060.454
- Thu nhập khác từ XN tư vấn đầu tư xây dựng	31.736.000	-
- Thu nhập khác	1.538.081	7.049.426
Cộng	826.128.724	77.109.880

7.8 CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 11/04/2016 đến 30/06/2016
- Giá trị còn lại thanh lý tài sản cố định	608.074.115	-
- Khác	110.834.750	3.110.326
Cộng	718.908.865	3.110.326

7.9 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 11/04/2016 đến 30/06/2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	69.618.402.547	36.601.066.992
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.	296.946.780	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	296.946.780	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	69.915.349.327	36.601.066.992
Thu nhập miễn thuế (Cổ tức)	(20.570.486.400)	(1.046.520.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	49.344.862.927	35.554.546.992
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất hiện hành	9.868.972.585	7.110.909.398
Thuế TNDN được miễn giảm, được áp dụng thuế suất hiện hành	-	(1.331.184.256)
- Thuế TNDN giảm do áp dụng khác thuế suất hiện hành	-	-
- Thuế TNDN được giảm trong thời gian hưởng ưu đãi về thuế	-	(1.331.184.256)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	9.868.972.585	5.779.725.142

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

7.10 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 11/04/2016 đến 30/06/2016
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	59.748.361.939	30.821.341.850
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	4.182.385.336	2.157.493.930
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	100.000.000	100.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	556	287

7.11 LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 11/04/2016 đến 30/06/2016
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	59.748.361.939	30.821.341.850
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	4.182.385.336	2.157.493.930
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	100.000.000	100.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	556	287

8. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**8.1 Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng**

Không có khoản tiền và tương đương tiền lớn nào do Công ty nắm giữ mà không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.

8.2 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 11/04/2016 đến 30/06/2016
--	---------------------------------	---------------------------------

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

282.041.171.603

266.830.174.853

8.3 Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 11/04/2016 đến 30/06/2016
--	---------------------------------	---------------------------------

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

490.592.372.155

105.683.943.328

9. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**9.1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có****9.2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán:**

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017 kết thúc vào ngày 30/06/2017 đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

9.3 Thông tin về các bên liên quan**9.3.1. Bên có liên quan****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - TNHH MTV

Cổ đông lớn

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao Cấp

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Nhị Hiệp

Công ty liên kết

Công ty TNHH Sản xuất Vật liệu Xây dựng Hưng Thịnh

Công ty liên kết

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ*(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***9.3.2. Giao dịch với bên có liên quan**

- Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 11/04/2016 đến 30/06/2016
Lương, thưởng của các thành viên quản lý chủ chốt	203.447.000	137.491.000
Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	1.454.379.445	-
Cộng	1.657.826.445	137.491.000

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong kỳ kế toán như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 11/04/2016 đến 30/06/2016
Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ – TNHH MTV			
	Mua hàng	13.327.924.818	10.718.420.000
	Thanh toán tiền hàng	13.312.248.000	15.070.340.000
	Lợi nhuận đã trả	50.000.000.000	35.000.000.000
Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao Cấp			
	Mua hàng	7.133.948.049	4.855.533.382
	Thanh toán tiền hàng	8.573.460.365	5.820.701.418
	Phải thu tiền hàng, cung cấp dịch vụ	954.896.200	463.279.000
	Đã thu tiền hàng, cung cấp dịch vụ	285.120.000	463.279.000
Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ			
	Mua hàng	122.416.409.592	44.754.789.705
	Thanh toán tiền hàng	115.014.984.253	54.471.192.901
	Phải thu tiền hàng, cung cấp dịch vụ	524.079.526	2.499.623.988
	Đã thu tiền hàng, cung cấp dịch vụ	590.415.575	2.387.408.334
Công ty Cổ phần Gạch Ngói Nhị Hiệp			
	Mua hàng	17.256.008.128	8.300.067.184
	Thanh toán tiền hàng	20.765.599.153	7.113.706.014
	Phải thu tiền hàng, cung cấp dịch vụ	36.931.459.042	44.956.827.466
	Đã thu tiền hàng, cung cấp dịch vụ	39.883.662.186	48.227.572.775
Công ty TNHH Sản xuất Vật liệu Xây dựng Hưng Thịnh			
	Cho vay	-	100.000.000.000

9.3.2. Giao dịch với bên có liên quan (Tiếp theo)

- Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tình hình công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	30/06/2017	01/01/2017
Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ – TNHH MTV			
	Trả trước tiền hàng	24.885.182	40.562.000
	Lợi nhuận còn phải trả	100.661.117.019	150.661.117.019
Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao cấp			
	Phải trả tiền mua hàng	-	1.173.460.365
	Trả trước tiền hàng	266.051.951	-
	Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	833.151.200	163.375.000
Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ			
	Phải trả tiền mua hàng	22.731.645.219	15.330.219.880
	Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	169.256.546	235.592.595
Công ty Cổ phần Gạch Ngói Nhị Hiệp			
	Phải trả tiền mua hàng	-	3.509.591.025
	Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	652.538.374	3.604.741.518
Công ty TNHH Sản Xuất VLXD Hưng Thịnh			
	Phải thu về cho vay	200.000.000.000	200.000.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Số 306, Đường ĐT 743, Bình Thẳng, Dĩ An, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ*(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2017

9.4 Thông tin về Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

9.4.1. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Khu vực hoạt động của Công ty chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý để theo dõi và quản lý hoạt động của mình.

9.4.2. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán hoạt động kinh doanh của Công ty theo các lĩnh vực kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Thành phẩm	Hàng hóa	Đường BOT	Hoạt động xây dựng	Cung cấp dịch vụ	Kinh doanh bất động sản	Tổng cộng
Doanh thu	77.460.990.777	208.216.076.448	42.346.031.818	-	4.958.387.134	-	332.981.486.177
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-	-	-
Giá vốn	62.998.321.086	192.671.423.317	12.723.878.745	-	4.398.495.333	-	272.792.118.481
Lợi nhuận gộp	14.462.669.691	15.544.653.131	29.622.153.073	-	559.891.801	-	60.189.367.696



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9.5 QUẢN LÝ RỦI RO CỦA CÔNG TY

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của công ty. Công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như sau:

9.5.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

a. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thường xuyên theo dõi sự thay đổi của tỷ giá hối đoái, cân đối thu chi ngoại tệ để hạn chế rủi ro ngoại tệ.

b. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

c. Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

9.5.2. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ*(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***9.5.2. Rủi ro về tín dụng (Tiếp theo)****Công ty quản lý rủi ro tín dụng thương mại như sau:**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp khác nhau tùy theo nhóm đối tượng khách hàng. Cụ thể:

- + Đối với nhà phân phối: Công ty có các nhà phân phối là những đơn vị có tình hình tài chính tốt, chuyên kinh doanh vật liệu xây dựng. Các nhà phân phối sẽ được nhận hàng trong tháng, cuối tháng sẽ được quyết toán và đầu tháng sau phải thanh toán tiền hàng cho Công ty;
- + Đối với các đại lý: Các đại lý đặt cọc một khoản tiền nhất định và thanh toán trước khi nhận hàng;
- + Đối với các cá nhân hoặc tổ chức mua nền nhà, căn hộ của các dự án bất động sản: Khách hàng phải thanh toán tiền trước 90% trên giá trị hợp đồng mới được bàn giao nền nhà, căn hộ;
- + Đối với các đối tượng còn lại: Thanh toán tiền hàng trước khi nhận hàng. Một số trường hợp đặc biệt, Công ty cho khách hàng thanh toán sau khi nhận hàng dựa trên đánh giá mức độ tín nhiệm của khách hàng này.
- + Một số trường hợp khác sẽ do Ban Tổng Giám đốc của Công ty xem xét, đánh giá khả năng thanh toán từng khách hàng cụ thể để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Nhìn chung, Công ty đã có các biện pháp phòng ngừa rủi ro phải thu khách hàng thích hợp nên rủi ro này được đánh giá là thấp.

9.5.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền thu được từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	< 1 năm	Từ 01 - 05 năm	> 5 năm	Cộng
30/06/2017				
Vay và nợ	157.820.644.882	-	-	157.820.644.882
Phải trả người bán	25.681.600.172	-	-	25.681.600.172
Phải trả người lao động	6.117.721.921	-	-	6.117.721.921
Chi phí phải trả	4.241.619.428	-	621.377.517	4.862.996.945
Các khoản phải trả khác	105.279.294.017	371.564.000	-	105.650.858.017
Cộng	299.140.880.420	371.564.000	621.377.517	300.133.821.937



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ*(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***9.5.3. Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	< 1 năm	Từ 01 - 05 năm	> 5 năm	Cộng
01/01/2017				
Vay và nợ	366.371.845.434	-	-	366.371.845.434
Phải trả người bán	22.911.792.370	-	-	22.911.792.370
Phải trả người lao động	17.636.451.921	-	-	17.636.451.921
Chi phí phải trả	3.481.654.716	-	542.118.221	4.023.772.937
Các khoản phải trả khác	157.506.273.250	462.001.000	-	157.968.274.250
Cộng	567.908.017.691	462.001.000	542.118.221	568.912.136.912

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty không có tài sản thế chấp nào cho đơn vị khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

9.6 TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	30/06/2017	01/01/2017	30/06/2017	01/01/2017
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.725.421.561	17.301.476.226	20.725.421.561	17.301.476.226
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	233.302.429.215	479.174.262.260	233.302.429.215	479.174.262.260
Các khoản đầu tư sẵn sàng để bán	3.709.700	3.709.700	3.709.700	3.709.700
Phải thu khách hàng	32.210.570.627	30.183.636.881	32.210.570.627	30.183.636.881
Trả trước cho người bán	90.095.979.812	49.887.964.337	90.095.979.812	49.887.964.337
Các khoản phải thu khác	52.965.894.980	69.782.892.892	52.965.894.980	69.782.892.892
Cộng	429.304.005.895	646.333.942.296	429.304.005.895	646.333.942.296

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ*(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***9.6 TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	30/06/2017	01/01/2017	30/06/2017	01/01/2017
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	25.681.600.172	22.911.792.370	25.681.600.172	22.911.792.370
Người mua trả tiền trước	25.338.403.857	15.394.175.354	25.338.403.857	15.394.175.354
Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	157.820.644.882	366.371.845.434	157.820.644.882	366.371.845.434
Phải trả người lao động	6.117.721.921	17.636.451.921	6.117.721.921	17.636.451.921
Chi phí phải trả	4.241.619.428	3.481.654.716	4.241.619.428	3.481.654.716
Các khoản phải trả khác	105.650.858.017	157.968.274.250	105.650.858.017	157.968.274.250
Cộng	324.850.848.277	583.764.194.045	324.850.848.277	583.764.194.045

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng được Công ty xác định bằng cách giảm trừ khoản dự phòng phải thu khó đòi (Nếu có)

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính được Công ty xác định bằng cách trình bày theo giá trị thị trường tại thời điểm báo cáo. Đối với các khoản đầu tư tài chính mà Công ty không có thông tin về giá trị giao dịch trên thị trường, Công ty xác định giá trị hợp lý bằng giá gốc khoản đầu tư trừ đi khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính (Nếu có).

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính khác và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế. Riêng khoản phải thu khách hàng được Công ty đánh giá lại giá trị hợp lý bằng cách giảm trừ khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các khoản đầu tư dài hạn của Công ty và Công ty chưa có dự định nào để bán các tài sản tài chính này trong tương lai gần.

9.7 MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KINH DOANH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	30/06/2017	01/01/2017
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	47,1%	54,9%
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	52,9%	45,1%
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	23,8%	36,3%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	76,2%	63,7%
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán tức thời	lần	0,06	0,03
Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,80	2,36
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,98	2,63
Tỷ suất sinh lợi			
		Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 11/04/2016 đến 30/06/2016
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	20,91%	31,95%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	17,94%	26,90%
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân	%	4,4%	2,3%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân	%	3,8%	2,0%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân			
	%	5,5%	2,8%

**9.8 ĐIỀU CHỈNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM TRƯỚC DO CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CỦA 6 THÁNG ĐẦU NĂM NAY:** Không có**9.9 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9.10 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016 bắt đầu từ ngày 11/04/2016 kết thúc ngày 31/12/2016 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài Chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 11/04/2016 kết thúc ngày 30/06/2016 chưa được kiểm toán và không có tính so sánh.

Bình Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phan Thị Thuỳên Hương

Nguyễn Quốc Bình

Mai Văn Chánh